

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
"Giáo dục toàn diện, Chất lượng và Bình đẳng"



VIETNAM WOMEN'S ACADEMY

Address: 68 Nguyen Chi Thanh, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

E-mail: vwa@vwa.edu.vn

Website: hvpmvn.edu.vn

(Tel): 84-243 7759907 * Fax: 84-243 7730283



KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
DI CƯ QUỐC TẾ & HỘI NHẬP XÃ HỘI:
HÒA NHẬP & PHÁT TRIỂN BAO TRÙM
International Migration and Social Integration: Inclusion and Entire Development



KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
International Conference Proceedings

**DI CƯ QUỐC TẾ & HỘI NHẬP XÃ HỘI:
HÒA NHẬP & PHÁT TRIỂN BAO TRÙM**

International Migration and Social Integration:
Inclusion and Entire Development



 **NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG**

MỤC LỤC

CHỦ ĐỀ 1: DI CƯ VÀ CÁC VẤN ĐỀ GIỚI

TOPIC 1: MIGRATION AND GENDER ISSUES

GENDER AND MIGRATION: THEORETICAL APPROACHES AND PRACTICAL ISSUES 12

GIỚI VÀ DI CƯ: TIẾP CẬN LÝ THUYẾT VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ THỰC TIỄN 12

Dang Nguyen Anh, Nghiem Thi Thuy

TRENDS AND PATTERNS OF DOMESTIC MIGRATION IN VIETNAM -GENDER
DISAGGREGATED DATA ANALYSIS 21

XU HƯỚNG VÀ HÌNH THỨC DI CƯ NỘI ĐỊA Ở VIỆT NAM – PHÂN TÍCH DỮ LIỆU
TÁCH BIỆT GIỚI 21

Tran Quang Tien, Hoang Huong Thuy

GIỚI VÀ VẤN ĐỀ XUẤT CƯ (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP Ở TỈNH CÀ MAU) 33

GENDER AND EMIGRATION (CASE STUDY IN CA MAU PROVINCE) 33

Phan Thuận

RETURN MIGRATION OF THAI-DUTCH COUPLES FROM THE NETHERLANDS TO
THAILAND: THEIR NEGOTIATION OF GENDER AND FAMILY RELATIONS 44

HỘI HƯỚNG CỦA CÁC CẶP VỢ CHỒNG THÁI LAN-HÀ LAN TỪ HÀ LAN VỀ THÁI
LAN: CUỘC ĐÀM PHÁN CỦA HỌ VỀ GIỚI VÀ QUAN HỆ GIA ĐÌNH 44

Panitee Brown

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VÀ THÍCH NGHI VĂN HÓA CỦA PHỤ NỮ Ả RẬP TẠI THÀNH
PHỐ HỒ CHÍ MINH 57

ECONOMIC ACTIVITY AND CULTURAL ADAPTATION OF ARAB STATES WOMEN
IN HO CHI MINH CITY 57

Phan Thanh Huyền

DI CƯ LAO ĐỘNG TỪ MIỀN NÚI XUỐNG ĐÔ THỊ VÀ VAI TRÒ GIỚI TRONG GIA
ĐÌNH CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI HÀ
NỘI) 66

MẠNG LƯỚI XÃ HỘI CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM DI CƯ.....	87
SOCIAL NETWORK OF VIETNAMESE ETHNIC MINORITY MIGRANT WOMEN....	87

Phùng Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Chiến Thắng, Vũ Thị Hương

VIỆC LÀM CỦA LAO ĐỘNG DI CƯ QUỐC TẾ NHÌN TỪ GÓC ĐỘ GIỚI.....	95
EMPLOYMENT OF INTERNATIONAL MIGRATION LABOR FROM GENDER PERSPECTIVE	95

Nguyễn Thị Minh Hòa , Hà Tuấn Anh

THỰC TRẠNG TIẾP CẬN NHÀ Ở CỦA PHỤ NỮ DI CƯ: TỪ CHÍNH SÁCH ĐẾN THỰC TIỄN (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI)	106
---	-----

THE CURRENT STATUS OF MIGRANT WOMEN IN ACCESS TO SOCIAL HOUSING: FROM POLICY TO PRACTICE (CASE STUDY OF MIGRANT FEMALE WORKERS IN HANOI)	106
--	-----

Nguyễn Thị Thanh Thủy, Đỗ Văn Trọng

A STUDY ON THE REFLECTION OF CULTURAL DIVERSITY AND GENDER STEREOTYPES IN KOREA IMMIGRATION AND INTERGRATION PROGRAM (KIIP) KOREAN TEXTBOOKS	117
--	-----

NGHIÊN CỨU VỀ SỰ PHẢN ÁNH ĐA DẠNG VĂN HÓA VÀ KHUÔN MẪU GIỚI TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG HÀN CỦA CHƯƠNG TRÌNH NHẬP CƯ VÀ HỘI NHẬP (KIIP)	117
--	-----

Tran Nhu Phuong

VẤN ĐỀ DI CƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHO NGƯỜI DI CƯ NỮ GIỚI.....	133
MIGRATION AND DEVELOPMENT ISSUES FOR WOMEN MIGRANTS	133

Nguyễn Thị Thu Thảo

CHỦ ĐỀ 2: DI CƯ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

TOPIC 2: MIGRATION AND HEALTH CARE

ĐIỀU KIỆN SỐNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA LAO ĐỘNG DI CƯ TẠI CÁC KHU
CÔNG NGHIỆP HIỆN NAY 142

LIVING CONDITIONS AND HEALTH CARE FOR MIGRANT WORKERS IN
INDUSTRIAL ZONES TODAY 142

Hoàng Thị Nga, Dương Thị Thanh Xuân

IMMIGRANTS AND THEIR HEALTH RIGHT ISSUES IN SOUTH KOREA: A TEXT
MINING APPROACH..... 153

NGƯỜI NHẬP CƯ VÀ VẤN ĐỀ QUYỀN SỨC KHỎE CỦA HỌ Ở HÀN QUỐC: TIẾP
CẬN KHAI THÁC VĂN BẢN 153

Young-Shin Kang, Do-Eon Song, Ye-Ji Shin, Oan-Na Lee

THE NEW MIGRATION FROM CHINA TO VIETNAM IN THE CONTEXT OF
GLOBALIZATION (THROUGH CASE STUDIES OF CHINESE MIGRATION IN HAI
PHONG CITY)..... 168

DI CƯ MỚI TỪ TRUNG QUỐC SANG VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VỀ DI CƯ CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC TẠI THÀNH
PHỐ HẢI PHÒNG) 168

Nguyen Thi Thu Thuy, Dang Thi Hong Hanh

A STUDY ON EMOTIONAL LABOR EXPERIENCES OF MIGRANT WOMEN
WORKING IN CARE SERVICES IN KOREA 175

NGHIÊN CỨU TRẢI NGHIỆM VỀ CẢM XÚC LAO ĐỘNG CỦA PHỤ NỮ DI TRÚ LÀM
VIỆC DỊCH VỤ CHĂM SÓC TẠI HÀN QUỐC 175

Hyanghee Kim

DI CƯ LAO ĐỘNG QUA BIÊN GIỚI: TRƯỜNG HỢP ẤN ĐỘ VÀ BANGLADESH..... 188

COSS-BORDER LABOR MIGRATION: THE CASES OF INDIA BANGLADESH

COSS-BORDER LABOR MIGRATION: THE CASES OF INDIA BANGLADESH BORDER.....	188
--	-----

Lê Lan Anh, Nguyễn Hoàng Anh

SELF-RATED HEALTH AND ASSOCIATED FACTORS AMONG VIETNAMESE MIGRANTS IN SOUTH KOREA	197
---	-----

SỨC KHỎE TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM DI TRÚ TẠI HÀN QUỐC	197
---	-----

Duckhee Chae, Nakjung Kim, Keiko Asami

RÀO CẢN TRONG TIẾP CẬN DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	211
--	-----

BARRIERS IN ACCESSING HEALTH CARE SERVICES FOR VIETNAMESE MIGRANT WORKERS ABROAD: CURRENT STATUS AND SOLUTIONS	211
--	-----

Đặng Hồng Kim Tài

LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ QUỐC TẾ: ĐẶC ĐIỂM, THÁCH THỨC VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ VIỆT NAM.....	220
---	-----

INTERNATIONAL FEMALE MIGRANT WORKERS: CHARACTERISTICS, CHALLENGES AND LESSONS FOR VIETNAMESE FEMALE MIGRANT WORKERS	220
---	-----

Khuất Thị Thu Hiền, Hà Thị Thuý

CHỦ ĐỀ 3: DI CƯ VÀ BẢO TRỢ XÃ HỘI

TOPIC 3: MIGRATION AND SOCIAL PROTECTION

HÒA NHẬP XÃ HỘI CỦA LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ HỒI HƯỚNG Ở VIỆT NAM: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC.....	233
---	-----

SOCIAL INTEGRATION OF RETURNED FEMALE MIGRANT WORKERS IN VIETNAM: OPORTUNITIES AND DIFFICULTIES	233
---	-----

Trương Thúy Hằng

TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN ĐẾN VẤN ĐỀ DI CƯ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH.....	242
--	-----

IMPACT OF BASIC SOCIAL SERVICES ON LABOR MIGRATION IN VIETNAM AND POLICY IMPLICATIONS	242
---	-----

Trần Thị Minh Phương, Đỗ Thị Tươi

THE ROLE OF SOCIAL NETWORKING SITES AND MIGRANTS ONLINE GROUPS IN ACCULTURATION – THE CASE OF UZBEK MIGRANTS IN SOUTH KOREA	254
---	-----

VAI TRÒ CỦA CÁC TRANG MẠNG XÃ HỘI VÀ NHÓM DI CƯ TRỰC TUYẾN TRONG VIỆC HÒA NHẬP XÃ HỘI – TRƯỜNG HỢP CỦA NGƯỜI DI CƯ UZBEK TẠI HÀN QUỐC.....	254
--	-----

Ikhtiyor Rasulov, Jasmine Gananam John

SO SÁNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN AN SINH XÃ HỘI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI DI TRÚ TẠI VIỆT NAM VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM	269
--	-----

LEGAL COMPARISON OF SOCIAL SECURITY RIGHTS OF FOREIGN MIGRANT WORKERS IN VIETNAM AND VIETNAMESE WORKERS	269
---	-----

Nguyễn Thị Thanh , Nguyễn Thị Hồng Thắng

LAO ĐỘNG NHẬP CƯ ẮN ĐỘ TẠI TRUNG ĐÔNG: THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH	279
--	-----

INDIAN MIGRANT WORKERS IN THE MIDDLE EAST: SITUATION AND POLICY ISSUES	279
--	-----

Nguyễn Thị Oanh

THÚC ĐẨY HỘI NHẬP XÃ HỘI CHO LAO ĐỘNG TỪ NGOÀI NƯỚC TRỞ VỀ TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY Ở VIỆT NAM	292
--	-----

PROMOTING SOCIAL INTEGRATION FOR WORKERS RETURNING FROM ABROAD IN THE CURRENT CONDITIONS IN VIETNAM	292
---	-----

Đào Tuấn Anh, Nguyễn Đức Hữu

QUẢN LÝ LAO ĐỘNG VIỆT NAM DI CƯ SANG NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC	303
--	-----

MANAGEMENT OF VIETNAMESE LABORERS WHO MIGRATE TO WORK ABROAD	303
--	-----

Lương Văn Liệu, Trần Đức Thắng, Đào Xuân Hội

SỰ THAM GIA XÃ HỘI CỦA NGƯỜI ĐI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI HỒI CƯ (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH NGHỆ AN).....313

SOCIAL PARTICIPATION OF RETURNING MIGRANT WORKERS FROM ABROAD (CASE STUDY IN NGHE AN)313

Ông Thị Mai Thương

LEGAL FRAMEWORK TO PROTECT MIGRANTS FROM THE IMPACTS OF CLIMATE CHANGE FROM THE PERSPECTIVE OF REFUGEE LAW, HUMAN RIGHTS AND INTERNATIONAL ENVIRONMENTAL LAW323

BẢO VỆ NGƯỜI DI CƯ BỊ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỪ GÓC ĐỘ LUẬT TỊ NẠN, NHÂN QUYỀN VÀ LUẬT MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ.....323

Tran Nguyen Phuoc Thong

RETURN AFTER RETIRE: HOW STRUCTURAL CHANGES SHATTERED DREAM OF NORWEGIAN RETIREES IN THAILAND333

TRỞ LẠI SAU KHI NGHỈ HƯU: CÁC THAY ĐỔI XÃ HỘI ĐÃ PHÁ VỠ GIẤC MƠ CỦA NHỮNG NGƯỜI NA-UY NGHỈ HƯU TẠI THÁI LAN 333

*Chantanee Charoensri, Wilasinee Pananakhornsab**

CHỦ ĐỀ 4: CÁC CHỦ ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DI CƯ

TOPIC 4: OTHER MIGRATION - RELATED ISSUES

INTERNATIONAL MIGRATION AND SOCIAL INTEGRATION THROUGH ENTREPRENEURSHIP: THE CASE OF NEPALESE IMMIGRANT ENTREPRENEURS IN SOUTH KOREA344

DI CƯ QUỐC TẾ VÀ HỘI NHẬP XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP: TRƯỜNG HỢP

**SỰ THAM GIA XÃ HỘI CỦA NGƯỜI ĐI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI HỒI CƯ
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH NGHỆ AN)
SOCIAL PARTICIPATION OF RETURNING MIGRANT WORKERS FROM
ABROAD (CASE STUDY IN NGHE AN)**

Ông Thị Mai Thương*

Tóm tắt: Việc đưa người đi lao động ở nước ngoài là một trong những chính sách thiết thực của Chính phủ Việt Nam hiện nay nhằm giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, góp phần phát triển đất nước. Tuy nhiên, việc tái hòa nhập về xã hội khi họ trở về lại ít được chú ý hơn. Bài viết tập trung làm rõ sự tham gia của người đi lao động nước ngoài hồi cư vào các hoạt động của nhóm/tổ chức xã hội và mức độ gắn kết với cộng đồng địa phương trên cơ sở thực tiễn nghiên cứu tại tỉnh Nghệ An. Thứ nhất, người đi lao động nước ngoài trở về và chính quyền địa phương vẫn chưa có sự liên kết chặt chẽ, họ tham gia phần lớn vào các nhóm xã hội phi chính thức và không tích cực trong các hoạt động sinh hoạt chung tại cộng đồng địa phương. Thứ hai, mạng lưới xã hội của họ sau khi trở về vẫn mang tính chất co cụm, bó hẹp ở các mối quan hệ cá nhân và chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh tế. Nhìn chung, họ vẫn chưa thực sự chủ động trong quá trình hòa nhập xã hội sau khi đi lao động nước ngoài trở về. Vì vậy, cần có các định hướng cụ thể, tích cực để có thể tạo điều kiện thúc đẩy quá trình tái hòa nhập xã hội sau khi hồi cư và phát huy những thế mạnh của nhóm lao động này.

Từ khóa: Sự tham gia xã hội, người đi lao động nước ngoài, hồi cư.

Abstract: Sending workers abroad is one of the practical policies of the Vietnamese Government to solve the problem of employment for workers, contributing to the development of the country. However, the social reintegration upon their return has received less attention. The article focuses on clarifying the participation of returning migrant workers from abroad in activities of social groups/organizations and the degree of engagement with the local community based on the research practice in Nghe An province. Firstly, returning migrant workers and local authorities still do not have a close connection, they participate mostly in informal social groups and are not active in common activities in local community. Secondly, their social network after returning home is still clustered, limited to personal relationships and mainly related to economic activities. In general, they are still not really active in the process of social integration after returning from working abroad. Therefore, it is necessary to have specific and positive orientations in order to create conditions to promote the process of social reintegration after repatriation and promote the strengths of this group of workers.

Keywords: Social participation, migrant workers from abroad, returning migrants.

* Trường Đại học Vinh, Việt Nam

Dẫn nhập

Quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ đã tạo điều kiện thuận lợi để nền kinh tế Việt Nam phát triển và hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Thêm vào đó, Việt Nam đang ở trong giai đoạn cơ cấu "dân số vàng" khi có 69% dân số trong tuổi lao động (Bộ Y tế, 2020). Chính vì vậy, việc khai thác, phát triển thị trường lao động ở nước ngoài là yêu cầu tất yếu giúp giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong bối cảnh này, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận (Phạm Anh Thắng, 2023). Thực tiễn cho thấy, hiện nay, Chính phủ Việt Nam rất quan tâm chú ý đến việc nâng cao nhận thức, nhu cầu và phúc lợi của những người lao động trước khi họ đi cư và trong khi họ làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, việc tái hòa nhập về xã hội khi họ trở về lại ít được chú ý hơn.

Bài viết tập trung làm rõ sự tham gia của người đi lao động nước ngoài hồi cư vào các hoạt động của nhóm/tổ chức xã hội và mức độ gắn kết với cộng đồng địa phương trên cơ sở thực tiễn nghiên cứu tại tỉnh Nghệ An. Địa phương này có số lượng người lao động đi làm việc ở nước ngoài cao nhất trong cả nước, chỉ tính riêng năm 2022, số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là hơn 75.000 người. Hàng năm, nguồn kiều hối do người lao động chuyển về đạt 500 đến 550 triệu USD góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương (Trần Phi Hùng, 2023).

1. Khái niệm tham gia xã hội

Nhóm tác giả Levasseur (2010) và cộng sự đã thực hiện một tổng quan có tính hệ thống về các nghiên cứu liên quan đến sự tham gia xã hội để đưa ra khái niệm sự tham gia xã hội. Họ đã tổng hợp những định nghĩa nguyên gốc về sự tham gia xã hội theo thời gian từ 1990 đến 2008. Từ đó, nhóm tác giả này đề xuất một định nghĩa về sự tham gia xã hội như sau: *"Sự tham gia xã hội có thể được định nghĩa là sự tham gia của một người vào các hoạt động liên quan đến những người khác trong xã hội hay cộng đồng"* (Levasseur, 2010).

Trên cơ sở đó, khái niệm "tham gia xã hội" được sử dụng trong bài viết này có hai khía cạnh: 1) tham gia vào các nhóm/đoàn thể/tổ chức xã hội chính thức và phi chính thức tại địa phương; 2) tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương bao gồm các chỉ báo về mức độ tham gia các hoạt động về chính trị, văn hóa, xã hội, vui chơi giải trí tại cộng đồng và mức độ gắn kết cộng đồng của người đi lao động nước ngoài trở về.

2. Tổng quan những nghiên cứu về sự tham gia xã hội của người đi lao động nước ngoài trở về

Vấn đề tái hòa nhập xã hội của người di cư lao động quốc tế trở về đã được các học giả quan tâm nghiên cứu. Dustmann và cộng sự (2007) đã phân tích sâu về động cơ hồi cư, "lực đẩy" và "lực hút" khiến họ quyết định trở về. Một số nghiên cứu khác chỉ ra người đi lao động nước ngoài trở về quê hương sẽ bắt đầu quá trình hòa nhập trở lại với cuộc sống ở quê nhà, hay nói cách khác là tái hòa nhập xã hội (Filipi, 2013; ILO,

2013; Chobanyan, 2013). Sự tái hòa nhập xã hội được nhìn nhận từ hai quan điểm, đó là tái hòa nhập trong gia đình và tái hòa nhập cộng đồng. Chính các thành viên trong gia đình là nhân tố “kéo” những người lao động này trở về. Quyết định hồi hương và quá trình tái hòa nhập kinh tế thường được thảo luận với những thành viên thân thiết trong gia đình, họ hàng và bạn bè trước khi trở về. Một khi đã đưa ra quyết định thì quá trình tái hòa nhập sẽ bắt đầu. Sự tái hòa nhập xã hội cũng quan trọng như tái hòa nhập trong bối cảnh gia đình. Bản chất và sự thay đổi về sự gắn kết với hàng xóm láng giềng là một trong những nhân tố chính phản ánh bản chất và sự mong muốn gắn kết với cộng đồng (ILO, 2013).

Mặc dù những người lao động trở về dường như không có nhiều vấn đề với hàng xóm và các mối quan hệ gia đình nhưng khả năng thiết lập những mối quan hệ đối tác hay tham gia vào các tổ chức cộng đồng rất thấp. Bên cạnh đó, họ cũng gặp phải những vấn đề về tâm lý – xã hội, văn hóa, giáo dục, giấy tờ thủ tục liên quan đến pháp luật, nghĩa vụ quân sự, nhà ở (Chobanyan, 2013). Điều này khiến cho quá trình tái hòa nhập cộng đồng của họ diễn ra chậm và kéo dài (ILO, 2013), dẫn tới hệ quả là người lao động hồi cư gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các kế hoạch tìm kiếm việc làm ở quê nhà. Không ít người đã lựa chọn tiếp tục con đường di cư lao động khi có cơ hội (Tukhashvili, 2013).

Mặc dù các nghiên cứu trên đã quan tâm đến vấn đề tái hòa nhập xã hội của người đi lao động nước ngoài trở về, song ở khía cạnh tham gia các nhóm/tổ chức xã hội hay mức độ gắn kết với cộng đồng địa phương của lao động hồi cư vẫn còn là một khoảng trống, đặt ra yêu cầu cần có những nghiên cứu thực tiễn khác bổ sung, làm rõ thêm.

3. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu trong bài viết này được trích dẫn từ kết quả nghiên cứu của đề tài “*Sự tham gia xã hội của người đi lao động nước ngoài sau khi trở về nước (nghiên cứu trường hợp tại một số xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An)*”, là Luận án tiến sĩ ngành Xã hội học do tác giả thực hiện và bảo vệ thành công tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2021. Tác giả đã thực hiện phương pháp thu thập thông tin định lượng, mô tả cắt ngang với cỡ mẫu là 326 người, trong đó nhóm khách thể nghiên cứu là những người đi lao động nước ngoài trở về nước trong thời gian từ năm 2010 - 2019 (trước khi xảy ra dịch bệnh Covid 19), bao gồm người đi lao động nước ngoài theo hợp đồng và lao động di cư tự do. Cách thức chọn mẫu được tác giả thực hiện theo hình thức “quả bóng tuyết” (snow-ball) bởi lẽ tại thời điểm khảo sát, địa phương chưa thống kê đầy đủ, toàn diện về đối tượng người đi lao động nước ngoài trở về. Ngoài ra, nghiên cứu cũng thực hiện 18 phỏng vấn sâu đối với người đi lao động nước ngoài trở về và 03 phỏng vấn sâu cán bộ chính sách tại các địa phương.

4. Sự tham gia xã hội của người đi lao động nước ngoài trở về

4.1. Sự tham gia các nhóm/tổ chức xã hội tại địa phương

Để đánh giá sự tham gia xã hội của người đi lao động nước ngoài sau khi trở về, cần thiết phải tìm hiểu sự tham gia của họ trong các nhóm và tổ chức xã hội tại địa

phương, bao gồm các nhóm chính thức và phi chính thức. Tác giả sử dụng thang đo Likert theo thang điểm từ 1 đến 5, trong đó 1 điểm tương ứng với “không tham gia” và 5 điểm là “tham gia rất thường xuyên”. Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Mức độ tham gia vào các nhóm/tổ chức xã hội của người đi lao động nước ngoài trở về (điểm trung bình)

Các nhóm/tổ chức xã hội	Chung	Nam	Nữ
Các nhóm XH chính thức	1,13	1,12	1,16
Nhóm/Hội thể thao	1,60	1,70	1,45
Phường/Hội/Họ vay tiền	1,50	1,38	1,68
Hội cùng làm ăn	1,47	1,47	1,47
Nhóm bạn bè	3,35	3,36	3,33
Hội người cùng lao động nước ngoài	1,38	1,38	1,39
Các nhóm XH khác	1,06	1,05	1,08

Nguồn: Ông Thị Mai Thương (2021)

Kết quả Bảng 1 cho thấy người lao động hồi cư không thường xuyên tham gia các nhóm/đoàn thể xã hội tại địa phương. Mạng lưới xã hội của họ bó hẹp trong các nhóm xã hội phi chính thức, thường có mối quan hệ gần gũi, thân thiết. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy nguyên nhân xuất phát từ yếu tố tâm lý cá nhân và điều kiện khách quan trong quá trình lao động ở nước ngoài. *Thứ nhất*, trong quãng thời gian lao động ở nước ngoài, đối tượng mà họ liên lạc chủ yếu ở quê nhà là gia đình là bạn bè của họ. *Thứ hai*, ở quốc gia đến, họ là thành viên của cộng đồng người Việt Nam đang lao động nơi đây. Mọi người là đồng hương xem nhau như những người bạn, người anh em thân thiết. Khi trở về, họ giữ mối liên lạc với nhau để hỏi thăm về cuộc sống và trao đổi về công việc hay các mối quan hệ làm ăn kinh tế. *Thứ ba*, sau một thời gian lao động ở xứ người, họ sử dụng những khoản tiền tích lũy được để làm vốn đầu tư kinh doanh khi trở về. Mối quan tâm của họ trong thời gian chuẩn bị và sau khi đã trở về vẫn luôn là “làm cái gì?” và “làm như thế nào?”, “làm cùng với ai?”. Vì thế, họ thường tìm kiếm và tham gia các nhóm xã hội không chính thức mang lại lợi ích kinh tế cũng như phục vụ cho công việc của họ như “Hội phường/hội/họ”, “Hội cùng làm ăn”...

Kết quả ở Bảng 1 cũng cho thấy một điểm đáng chú ý, mức độ tham gia vào các nhóm xã hội chính thức tại địa phương của lao động trở về rất thấp (1,13 điểm). Xét về khía cạnh giới, lao động nữ tham gia thường xuyên hơn lao động nam. Qua các phỏng vấn sâu với cán bộ chính sách tại địa phương về vấn đề này cho thấy, đối với nam giới, vấn đề tạo dựng công ăn việc làm sau khi trở về là mối quan tâm hàng đầu của họ. Vì vậy, họ dành hết thời gian và tâm trí của mình cho hoạt động kinh tế. Đối với phụ nữ, áp lực kinh tế dường như nhẹ nhàng hơn so với lao động nam nên họ có xu hướng tham gia tích cực hơn.

“Đối với đối tượng lao động này thì tôi thấy đàn ông vẫn chỉ quan tâm làm ăn phát triển kinh tế sau khi trở về thôi, chỉ quan tâm đến việc đầu tư kinh doanh hay làm

cái gì đó. Phụ nữ thì họ nhiệt tình hơn, chúng tôi vận động họ tham gia Hội Phụ nữ hay Hội khuyến học của xã họ cũng rất nhiệt tình tham gia” (PVS, nữ dân tộc Kinh, 25 tuổi, cán bộ chính sách, thị xã Cửa Lò).

Qua đó có thể thấy, người đi lao động nước ngoài hồi cư không tham gia thường xuyên vào các nhóm/tổ chức/đoàn thể xã hội mang tính chất mở rộng tại địa phương. Mạng lưới xã hội của họ sau khi trở về vẫn chủ yếu xoay quanh các nhóm sơ cấp mang đậm yếu tố tình cảm hoặc liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh tế của họ. Qua đó, có thể thấy rằng khả năng tái hòa nhập xã hội của họ sau khi trở về vẫn chưa tích cực.

4.2. Sự tham gia trong các hoạt động cộng đồng tại địa phương

4.2.1. Mức độ tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội tại cộng đồng

Nghiên cứu của tác giả đã sử dụng thang đo Likert 5 điểm và tính điểm trung bình để đánh giá mức độ chủ động tham gia các hoạt động chính trị, xã hội tại địa phương của người đi lao động nước ngoài sau khi trở về, trong đó 1 điểm tương ứng với “hoàn toàn không chủ động” và 5 điểm tương ứng với “rất chủ động”. Về việc tham gia các hoạt động dân chủ cơ sở ở địa phương, tính chủ động, tích cực của lao động trở về không cao, cụ thể là “tham gia họp tổ dân phố/xóm” (2,36 điểm) và “hoạt động bầu cử ở địa phương nơi sinh sống” (2,38 điểm). Trong các cuộc phỏng vấn sâu, chúng tôi được biết sở dĩ lao động hồi cư tỏ ra không tích cực trong các hoạt động trên là do họ dành phần lớn thời gian cho công việc, gia đình và các mối quan hệ xã hội khác.

“Tôi đi làm từ sáng đến tối, công việc rất bận. Về đến nhà là chỉ muốn nghỉ ngơi. Nếu có thời gian rảnh rỗi thì đi chơi cùng gia đình hoặc bạn bè, không để ý lắm đến chuyện họp hành chính trị. Thực tế là, cũng bởi nghề nghiệp của tôi cũng không liên quan gì đến cả. Nếu mà có họp khối thì có ông khối trưởng đến tận nơi nhắc nhở đi họp chứ mình làm sao biết mà tự đi hỏi người ta được. Có mấy lần tôi bận không đi họp sau đó cũng không thấy người ta phản ánh lại gì”. (PVS, nam dân tộc Kinh, 35 tuổi, kinh doanh tự do, thành phố Vinh).

Bên cạnh đó, lao động nước ngoài hồi cư có xu hướng chủ động tham gia tích cực nhất ở “các lễ hội của địa phương nơi đang sinh sống” (2,45 điểm), tiếp đến là “các hoạt động văn hóa, thể thao của địa phương nơi sinh sống” (2,41 điểm), “các hoạt động quyên góp, từ thiện tại địa phương” (2,37 điểm), “các hoạt động văn hóa, du lịch, thể thao ở nơi làm việc” (2,29 điểm), “các hoạt động lao động công ích ở cộng đồng” (2,20 điểm), “sinh hoạt thường kỳ của các tổ, nhóm/câu lạc bộ cùng sở thích” (2,11 điểm).

Nhìn chung, tính chủ động của người đi lao động nước ngoài trở về trong việc tham gia các hoạt động chính trị, xã hội tại địa phương ở mức độ “không chủ động”. Kết quả phỏng vấn sâu người lao động trở về đã lý giải một số nguyên nhân như sau: Thứ nhất, về khách quan, đoàn thể xã hội, cộng đồng tại địa phương chưa thực sự chủ động quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của họ sau khi trở về. Thứ hai, về chủ quan, họ vẫn chưa nhìn nhận được tầm quan trọng và sự cần thiết của việc tham gia các hoạt động xã hội trong đời sống hàng ngày. Điều quan tâm lớn nhất của họ sau khi trở về vẫn

là hoạt động làm ăn kinh tế bởi đó cũng chính là nguyên nhân chính khiến họ phải rời xa quê hương đi lao động ở nước ngoài.

4.2.2. Tham gia các hoạt động văn hóa, giải trí ở cộng đồng địa phương

Tìm hiểu về các hoạt động văn hóa, giải trí của người lao động hồi cư trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng thang đo 7 điểm (tương ứng với các mức độ như sau: 1- không bao giờ, 2 – một vài lần trong năm, 3 – mỗi tháng, 4 – một vài lần một tháng, 5 – mỗi tuần, 6 – một vài lần một tuần, 7 – mỗi ngày). Kết quả cho thấy, hoạt động giải trí thường xuyên nhất của nhóm lao động này là đến các địa điểm dịch vụ ăn uống như quán cà phê, nhà hàng (3,68 điểm); tham gia các hoạt động thể thao ngoài trời (2,89 điểm), đi mua sắm (2,83 điểm), và đến khu vui chơi giải trí (2,33 điểm). Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng hoạt động văn hóa, giải trí của nhóm lao động này chủ yếu vẫn tập trung ở những hoạt động liên quan đến nhu cầu cá nhân thiết thực hàng ngày. Các hoạt động mang “tính xã hội” như đến các trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật hay từ thiện, tình nguyện vì cộng đồng không được chú trọng.

“Kiếm được đồng tiền của tư bản không phải dễ dàng gì, họ trả lương rất sòng phẳng và công bằng. Anh làm nhiều hưởng nhiều và làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng. Người ở nhà cứ tưởng là được đi làm ở Nhật hay Hàn là sướng lắm, nhiều tiền lắm (cười). Mình đã phải bỏ ra một khoản tiền lớn mới sang đó làm được thì phải cố gắng gấp ba, bốn lần làm việc để trả nợ, còn phải kiếm được thêm nhiều tiền hơn mà mang về chứ. Tâm trạng lúc nào cũng căng thẳng với công việc, sức khỏe thì giảm. Không thể nào mà nói hết những vất vả khi lao động ở nước ngoài. Đến khi về rồi, việc muốn làm nhất là dành thời gian để ngủ, nghỉ ngơi, đi gặp bạn bè để bù lại” (PVS, nam dân tộc Kinh, 35 tuổi, kinh doanh tự do, thành phố Vinh).

Trong thực tế, đã có không ít các trường hợp người lao động trở về phòng trọ sau một ngày làm việc với tình trạng kiệt quệ về thể chất, tinh thần và sức khỏe suy giảm. Do đó, sau khi hồi cư, phần lớn người lao động có tâm lý muốn được nghỉ ngơi để bù đắp cho quãng thời gian dài làm việc vất vả khi làm việc ở nước ngoài.

4.2.3. Mức độ gắn kết cộng đồng của người đi lao động ở nước ngoài sau khi trở về địa phương

Mạng lưới các quan hệ xã hội có thể được xem là một tập hợp các mối quan hệ liên kết, đan xen và bao bọc chung quanh chủ thể tạo ra không gian xã hội của chủ thể (Nguyễn Quý Thanh, 2016). Người lao động trở về nước được xem xét với tư cách là chủ thể tương tác, dựa trên mạng lưới các quan hệ xã hội tạo ra các nguồn lực tiềm tàng để cá nhân khai thác và sử dụng trong quá trình hướng đích của mình. Đó là các mối quan hệ trong họ hàng thân tộc, bạn bè, đồng nghiệp, hàng xóm láng giềng, cơ quan đoàn thể... Mạng lưới quan hệ xã hội được xem là không gian mà người lao động trở về đầu tư xây dựng nhằm thu lại các lợi ích về mặt thông tin hay sự giúp đỡ về tinh thần, tình cảm hoặc những giúp đỡ về vật chất như tài chính, hỗ trợ sức lao động. Để đánh giá mức độ gắn kết cộng đồng của người lao động hồi cư, tác giả đã tìm hiểu cách thức họ “sử dụng” các mối quan hệ trong mạng lưới xã hội đó như thế nào để giải quyết các khó khăn.

Bảng 2. Cách thức giải quyết khó khăn của người đi lao động nước ngoài sau khi trở về (điểm trung bình)

Cách giải quyết khó khăn	Chung	Nam	Nữ
Cố gắng tự giải quyết	4,02	4,19	3,77
Nhờ sự giúp đỡ của bạn bè	3,52	3,63	3,36
Nhờ sự giúp đỡ người thân, họ hàng	3,71	3,61	3,86
Nhờ sự giúp đỡ của người cùng làm việc	2,30	2,34	2,24
Nhờ sự giúp đỡ của hàng xóm, láng giềng	2,37	2,42	2,31
Nhờ sự giúp đỡ của đoàn thể/cơ quan làm nơi làm việc	2,19	2,19	2,18
Nhờ sự giúp đỡ của chính quyền địa phương	2,17	2,17	2,16

Nguồn: Ông Thị Mai Thương (2021)

Kết quả Bảng 2 cho thấy, phần lớn lao động trở về tự dựa vào bản thân để giải quyết những vấn đề khó khăn mà họ phải đối mặt. Bên cạnh đó, họ cũng dựa vào những nhóm xã hội có mối quan hệ thân thiết như người thân, họ hàng, bạn bè, sau đó mới nhờ cậy đến các nhóm xã hội khác như hàng xóm láng giềng, đồng nghiệp. Đáng lưu ý, chính quyền đoàn thể địa phương và cơ quan đoàn thể ở nơi làm việc không phải là nhóm xã hội thực sự được họ tin tưởng nhờ cậy khi gặp khó khăn. Xét khía cạnh giới, mạng lưới quan hệ xã hội của lao động nam hồi cư cũng mở rộng hơn so với nữ và mức độ tương tác của nam giới với các tổ chức, đoàn thể tại nơi làm việc, chính quyền địa phương cũng cao hơn nữ. Ngược lại, nữ giới có xu hướng nhờ cậy đến các mối quan hệ thân tộc như gia đình, họ hàng khi gặp khó khăn nhiều hơn nam giới. Có thể thấy rằng, mạng lưới xã hội của lao động nam khi trở về mở rộng hơn so với lao động nữ.

Như vậy, mạng lưới quan hệ xã hội của người lao động hồi cư vẫn mang tính chất co cụm trong phạm vi hẹp là gia đình, người thân, bạn bè. Xét ở góc độ hòa nhập xã hội, nhóm lao động này rất hạn chế tham gia vào các mối quan hệ xã hội mở rộng, đặc biệt là mối quan hệ với chính quyền, tổ chức đoàn thể ở địa phương và nơi làm việc. Họ có xu hướng tự dựa vào bản thân và tin tưởng với những nhóm xã hội gần gũi, thân thuộc là người thân, họ hàng và bạn bè khi giải quyết những vấn đề khó khăn của họ. Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy vốn xã hội của người lao động hồi cư khá “nghèo nàn”.

Bên cạnh đó, tác giả cũng tìm hiểu cảm nhận của người lao động hồi cư về sự gắn kết với cộng đồng địa phương. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, phần lớn họ cảm thấy “bình thường” (61,7%); 18,1% “hài lòng”; 15% “rất hài lòng” và 5,2% người trả lời “không hài lòng” khi tự đánh giá về sự gắn kết của họ với cộng đồng địa phương sau khi trở về. Một trong những nguyên nhân được nghiên cứu chỉ ra là thời gian lao động ở nước ngoài có sự ảnh hưởng đến việc tham gia đời sống xã hội của người lao động hồi cư. Cụ thể, những người ở nước ngoài càng lâu năm cảm thấy khó khăn khi thích ứng trở lại với đời sống văn hóa xã hội ở quê nhà sau khi trở về. Cảm nhận của họ về sự gắn kết với cộng đồng địa phương không cao, thậm chí có những người xảy ra hiện tượng xung đột với văn hóa mẹ đẻ vốn đã thân thuộc trước khi đi cư.

“Tôi sống ở Đức tính ra cũng gần 17 năm, nếp sống của tôi và gia đình cũng gần như là theo phương Tây rồi. Trở về Việt Nam, thật sự tôi cảm thấy khó thích nghi được với đời sống ở đây, người ta hay để ý thái quá về cuộc sống của tôi, rồi tôi còn phải bắt đầu gây dựng lại từ đầu.” (PVS, nam dân tộc Kinh, 37 tuổi, chủ doanh nghiệp vận tải nhỏ, thành phố Vinh).

Việc đi lao động ở nước ngoài đã tạo nên sự đứt gãy không gian giữa người lao động với cộng đồng địa phương của họ trong một khoảng thời gian nhất định. Khi di cư lao động, họ nỗ lực hòa nhập mọi mặt về văn hóa, xã hội, kinh tế ở quốc gia đến làm việc, phải trải qua một quá trình xung đột để thích nghi với văn hóa nước ngoài. Trong quá trình đó, những nét văn hóa truyền thống của quê nhà có thể sẽ bị phai mờ và họ đã tiếp thu những văn hóa mới của quốc gia nơi đến. Sau khi trở về, người lao động phải “tái hòa nhập” trở lại với đời sống ở quê nhà, sẽ không tránh khỏi những trở ngại, khó khăn. Vì vậy, họ cần sự quan tâm, hỗ trợ của cộng đồng trong việc tạo điều kiện để có thể tham gia tích cực trong các hoạt động tại địa phương.

Kết luận

Các dữ liệu trong bài viết cho thấy giữa người đi lao động nước ngoài trở về và chính quyền địa phương vẫn chưa có sự liên kết chặt chẽ. Họ tham gia chủ yếu vào các nhóm xã hội phi chính thức và không tích cực tham gia các hoạt động sinh hoạt chung tại cộng đồng địa phương. Mạng lưới xã hội của họ sau khi trở về vẫn mang tính chất co cụm, bó hẹp ở các mối quan hệ cá nhân và liên quan đến hoạt động kinh tế. Nhìn chung, họ vẫn chưa thực sự chủ động trong quá trình hòa nhập xã hội sau khi đi lao động nước ngoài trở về.

Trong những năm gần đây, số lượng người lao động Việt Nam di cư tìm kiếm việc làm ở nước ngoài ngày càng tăng. Điều đó đặt ra những cơ hội và thách thức trong việc sử dụng nguồn lao động này khi họ trở về. Nếu được tạo điều kiện tốt, lao động hồi cư là một nguồn lực quý giá cho sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua lượng tiền chuyển về từ nước ngoài, các kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy trong thời gian làm việc tại các quốc gia đến. Tuy vậy, công tác quản lý của Nhà nước ta về việc trở về và tái hòa nhập của người đi lao động nước ngoài vẫn cho thấy có nhiều kẽ hở. Điều này làm hạn chế việc khai thác và phát huy những tiềm năng có tính tích cực của việc di cư nhất là khi số lượng người lao động ra nước ngoài làm việc tăng lên đáng kể. Vì vậy, cần có các định hướng cụ thể, tích cực giải quyết tốt vấn đề “hậu di cư lao động” để có thể tạo điều kiện giúp họ hội nhập xã hội sau khi hồi cư và phát huy những thế mạnh của nhóm lao động này. Thứ nhất, hoàn thiện và triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách giúp lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trở về tìm kiếm việc làm và hòa nhập cộng đồng. Thứ hai, xây dựng dữ liệu thống kê có hệ thống những người đi lao động nước ngoài trở về. Thứ ba, bên cạnh các giải pháp về hỗ trợ tư vấn nghề nghiệp và giới thiệu việc làm phù hợp cho lao động sau khi trở về, Nhà nước ta cũng cần phải có những giải pháp tăng cường vai trò của chính quyền địa phương các cấp trong việc xây dựng, phát triển cộng đồng có sự tham gia của lao động trở về.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2020). Cơ cấu “dân số vàng”, nếu không tận dụng, sẽ lỡ thời cơ. Lấy từ: https://moh.gov.vn/chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia/-/asset_publisher/7ng11fEWgASC/content/co-cau-dan-so-vang-neu-khong-tan-dung-se-lo-thoi--1
- Chobanyan & Haykanush. (2013). *Return Migration and Reintegration Issues: Armenia*. European University Institute; Robert Schuman Centre for Advanced Studies.
- Dolab (2012). *Hậu di cư lao động, chính sách và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb Thế giới.
- Dolab (2023). Hơn 72.294 lao động việt nam đi làm việc ở nước ngoài 6 tháng đầu năm 2023. Lấy từ: <http://www.dolab.gov.vn/New/Default.aspx>
- Dustmann, D. & Weiss, Y. (2007). *Return Migration: Theory and Empirical Evidence*. Centre for Research and Analysis of Migration; Department of Economics, University College London.
- Filipi, G., Galanxhi, E., Nesturi, M. & Grazhdani, T. (2013). Return Migration and Reintegration in Albania. *Institute of statistics and International Organization for Migration*.
- ILO (2013). *Reintegration with Home Community: Perspectives of Returnee Migrant Workers in Sri Lanka*. International Labour Organization.
- Levasseur, M., Richard, L., Gauvin, L. & Raymond, E. (2010). Inventory and Analysis of definition social participation found in the aging literature: Proposed taxonomy of social activities, *Social Sciences and Medicine*, 71, pp.2141-2149.
- Nguyễn Quý Thanh (2016). *Phép đặc tam giác về vốn xã hội của người Việt Nam: Mạng lưới quan hệ - Lòng tin - Sự tham gia*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Ông Thị Mai Thương (2021). Sự tham gia xã hội của người đi lao động nước ngoài sau khi trở về nước (nghiên cứu trường hợp tại một số xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An), Luận án Tiến sĩ ngành Xã hội học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Anh Thắng (2023). Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài: Những dấu ấn và vấn đề đặt ra trong tình hình mới. Lấy từ: <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/xa-hoi-dua-nguoi-lao-dong-viet-nam-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-nhung-dau-an-va-van-de-dat-ra-trong-tinh-hinh-moi-144494>
- Trần Phi Hùng (2023). Nghệ An, một số kết quả đáng ghi nhận trong công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Lấy từ: <https://ldtbxh.nghean.gov.vn/tin-hoat-dong/nghe-an-mot-so-ket-qua-dang-ghi-nhan-trong-cong-tac-dong-dua-lao-dong-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-552486#:~:text=Ch%E1%BB%89%20t%C3%ADnh%20ri%C3%AAng%20n%C4%83m%202022,%2C%20H%C3%A0n%20Qu%E1%BB%91c%2C%20%C4%90%C3%B4ng%20%C3%82u>
- Tukhashvili & Mirian (2013). *Socio-economic problems of returning migrants' reintegration in Georgia*. European University Institute, Robert Schuman Centre for Advanced Studies, pp.13-20.

